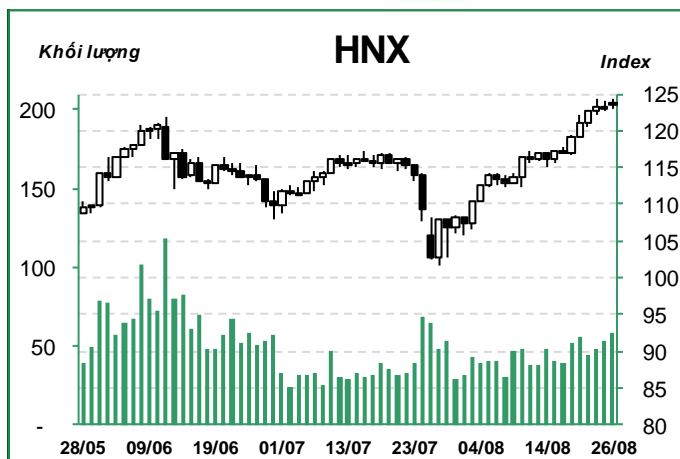
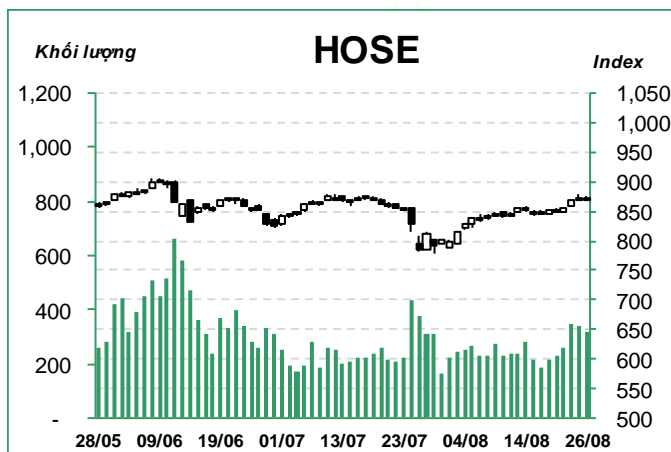


Tổng quan thị trường

26/08/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	873.47	-0.07%	812.36	-0.35%	123.89	0.42%
Cuối tuần trước	854.78	2.19%	793.60	2.36%	122.64	1.02%
Trung bình 20 ngày	848.20	2.98%	784.32	3.57%	117.22	5.69%
Tổng KLGD (triệu cp)	352.38	-11.70%	96.81	-19.05%	66.82	15.70%
KLGD khớp lệnh	320.82	-6.31%	89.05	-16.93%	58.55	11.34%
Trung bình 20 ngày	255.93	25.36%	70.83	25.73%	44.77	30.79%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,233.84	-17.43%	2,723.72	-18.80%	845.46	27.50%
GTGD khớp lệnh	5,624.42	-6.03%	2,485.07	-17.64%	697.13	15.31%
Trung bình 20 ngày	4,170.39	34.87%	1,834.48	35.46%	507.25	37.43%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	182	40%	7	23%	92	26%
Số mã giảm	209	46%	20	67%	65	18%
Số mã đứng giá	66	14%	3	10%	199	56%



Sau 3 phiên tăng điểm liên tiếp, áp lực chốt lời xuất hiện khiến thị trường chuyển dần sang trạng thái giằng co. Mặc dù vậy, nhóm cổ phiếu midcap vẫn đang được dòng tiền hướng đến trong phiên hôm nay, trong đó đáng chú ý là nhóm ngành BĐS khu công nghiệp và dầu khí. Trong khi đó, giao dịch khối ngoại tiếp tục là điểm trừ khi khối này vẫn duy trì động thái bán ròng trong những phiên gần đây.

Trên sàn HoSE, mặc dù duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch, áp lực điều chỉnh cuối phiên khiến chỉ số đóng cửa trong sắc đỏ tại mức 873.47 điểm (-0.07%). Thanh khoản trên sàn vẫn duy trì ở mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 320.8 triệu cổ phiếu (-6.3%), tương đương 5,624 tỷ đồng giá trị (-6.0%). Độ rộng thị trường trong phiên hôm nay cũng nghiêng về bên bán với 209 mã giảm so với 182 mã tăng.

Chỉ số mất đi động lực tăng điểm khi nhóm ngân hàng với Vietcombank-VCB (-0.5%), Techcombank-TCB (-0.9%), BIDV-BID (-0.4%) không còn giữ được sự tích cực. Bên cạnh đó, những cổ phiếu trụ khác như Sabeco-SAB (-1.2%), Hòa Phát-HPG (-1.4%), PV Gas-GAS (-0.4%) cũng chịu áp lực bán tháo đáng kể. Ở chiều ngược lại, nhóm dầu khí với Petrolimex-PLX (+2.0%), Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (+6.5%) dẫn đầu đà tăng trên sàn HoSE nhờ đà tăng vọt của giá dầu thế giới trong 2 phiên gần đây. Bên cạnh đó, nhóm BĐS khu công nghiệp cũng giao dịch sôi động trở lại trong hôm nay với những cổ phiếu nổi bật như KCN Long Hậu-LHG (+7.0%), Sonadezi Châu Đức-SZC (+2.7%), Đô thị Kinh Bắc-KBC (+0.7%).

Khối ngoại vẫn duy trì vị thế bán ròng mạnh trên sàn HoSE hôm nay với giá trị 370.0 tỷ đồng (-23.8%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu trụ như Hòa Phát-HPG (-165.0 tỷ), Vinamilk-VNM (-93.0 tỷ), Vietcombank-VCB (-41.1 tỷ). Trong khi đó, Vingroup-VIC (+17.2 tỷ), Sabeco-SAB (+8.6 tỷ),

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
LHG	2,442.0	56.78
JVC	11,450.0	45.80
VPB	1,454.0	35.25
SAM	2,775.0	28.45
PME	410.0	27.18
HPG	1,089.7	26.37
CTG	800.0	20.00
GMD	800.0	18.40
HDG	750.0	17.44
SFI	780.0	16.38
HNX		
DNP	3,300.0	53.46
VCG	1,250.0	43.13
ACB	1,357.8	26.96
SHS	1,280.9	14.47
VIX	810.0	7.05
ARM	109.8	1.67
NVB	100.0	0.91
PVS	61.0	0.68

Petrolimex-PLX (+7.1 tỷ) là những cổ phiếu được khối này mua ròng.

Trên sàn Hà Nội, chỉ số có diễn biến tích cực hơn khi vẫn giữ được sắc xanh. Chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 123.89 điểm (+0.42%). Thanh khoản trên sàn tăng phiên thứ 3 liên tiếp với KLGĐ khớp lệnh đạt 58.6 triệu cổ phiếu (+11.3%), tương đương 697.1 tỷ đồng giá trị (+15.3%).

Tương tự như sàn HoSE, nhóm dầu khí cùng BDS khu công nghiệp cũng tăng điểm khá tích cực trên sàn Hà Nội. Với những cổ phiếu đáng chú ý như Dầu khí PTSC-PVS (+4.0%), Khí Miền Nam-PGS (+4.5%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (+7.3%), Idico-IDC (+9.1%) hay Sonadezi Long Bình-SZB (+2.1%). Ngoài ra, Vinaconex-VCG (+8.0%) và Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.5%) cũng là những cổ phiếu trụ đóng góp nhiều cho đà tăng của chỉ số. Ngược lại, Ngân hàng SHB-SHB (-1.5%), Đầu tư Tổng hợp Hà Nội-SHN (-4.3%), Cảng Đà Nẵng-CDN (-1.9%) là những cổ phiếu có tác động tiêu cực.

Sau hơn 2 tuần bán ròng liên tục, khối ngoại có động thái mua ròng trở lại trên sàn HNX hôm nay với giá trị 6.6 tỷ đồng. Trong đó, Vicostone-VCS (+7.2 tỷ), Netland-NRC (+0.5 tỷ), Xây dựng Tiến Trung-TTZ (+0.4 tỷ) là những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng nhiều nhất. Trái lại, khối này bán ròng Dầu khí PTSC-PVS (-1.7 tỷ), Sông Đà 10-SDT (-0.8 tỷ) và Hóa chất Lâm Thao-LAS (-0.2 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA200 cùng với chòm MA5,10,20 giữ trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ là một phiên rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật như MACD và RSI vẫn hướng lên, cho thấy chỉ số có thể sớm lấy lại đà phục hồi và hướng lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh ngưỡng tâm lý 900 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến có phần tích cực hơn. Chỉ số tiếp tục có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, kèm theo khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn và chỉ số có cơ hội hướng lên vùng mục tiêu 127.4 điểm (Fib 127.2) trong những phiên tới. Nhìn chung, phiên giao dịch ngày 26/8 có thể là phiên rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính được bền vững hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LHG	26.8	924.6	7.0%
HAP	8.3	3,277.1	7.0%
PXS	4.9	257.1	7.0%
NHH	58.4	179.9	7.0%
TAC	51.7	268.1	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HOT	39.2	0.1	-7.0%
DAT	48.3	0.0	-6.9%
DTL	10.1	0.0	-6.9%
STG	15.7	104.2	-6.9%
MDG	11.0	0.5	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.2	397.2	-1.4%
VNM	117.1	226.4	-0.2%
GEX	22.3	213.5	0.2%
PVD	11.4	193.9	6.5%
TCH	21.3	185.0	1.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVD	11.4	17,339.6	6.5%
HPG	24.2	16,327.2	-1.4%
STB	11.2	9,988.7	-0.4%
GEX	22.3	9,599.3	0.2%
HQC	1.7	9,426.9	-0.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.8	1,097.2	14.3%
SPI	1.1	7.1	10.0%
SCI	56.8	82.9	9.9%
CTP	3.4	307.6	9.7%
HEV	13.7	0.1	9.6%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SD2	6.3	0.2	-10.0%
CTT	12.7	0.2	-9.9%
VTL	13.9	0.1	-9.7%
PPP	14.0	9.9	-9.7%
DST	5.6	5,678.8	-9.7%

Top 5 giá trị

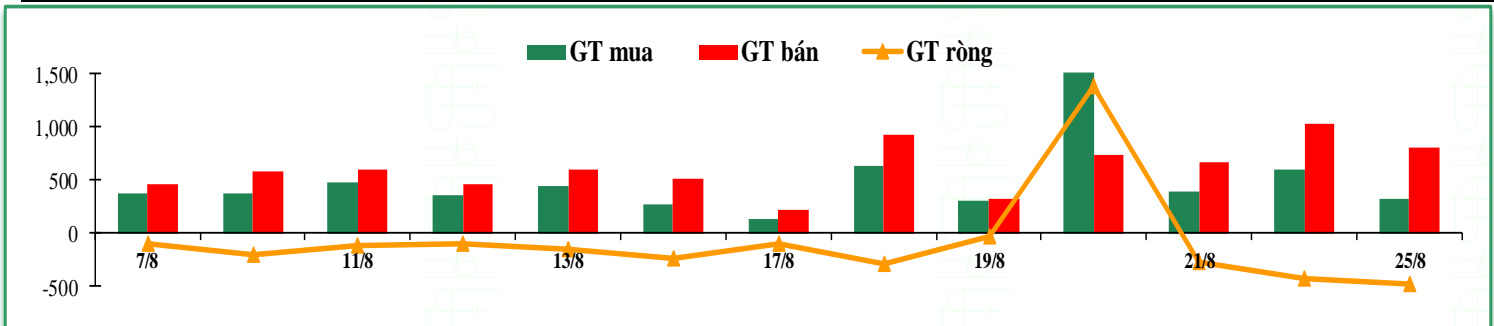
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.9	145.1	4.0%
ACB	21.2	126.9	0.5%
SHB	13.4	40.2	-1.5%
SHS	11.5	39.9	1.8%
DST	5.6	32.0	-9.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	12.9	11,331.0	4.0%
ACB	21.2	6,018.7	0.5%
DST	5.6	5,678.8	-9.7%
NVB	8.2	3,796.0	-1.2%
SHS	11.5	3,445.1	1.8%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	555.2	9.9%	925.2	16.4%	-370.0
HNX	16.2	2.3%	9.6	1.4%	6.6
Tổng số	571.4		934.8		-363.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	79.5	112.1	-0.1%
VCB	83.5	60.1	-0.5%
HPG	24.2	42.3	-1.4%
VIC	91.0	38.3	0.0%
PLX	51.4	29.2	2.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.2	207.3	-1.4%
VHM	79.5	151.5	-0.1%
VNM	117.1	121.6	-0.2%
VCB	83.5	101.1	-0.5%
CTG	24.7	36.8	0.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	91.0	17.2	0.0%
SAB	184.2	8.6	-1.2%
PLX	51.4	7.1	2.0%
VRE	27.2	6.3	0.9%
PVD	11.4	5.1	6.5%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	65.0	7.2	-0.3%
ACB	21.2	6.4	0.5%
NRC	14.6	0.5	5.0%
TTZ	5.1	0.4	2.0%
DST	5.6	0.4	-9.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	6.4	0.5%
PVS	12.9	2.0	4.0%
SDT	4.4	0.8	-4.4%
LAS	5.7	0.2	-1.7%
TTT	30.5	0.2	0.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	65.0	7.2	-0.3%
NRC	14.6	0.5	5.0%
TTZ	5.1	0.4	2.0%
DST	5.6	0.4	-9.7%
PGS	13.9	0.3	4.5%

Tin trong nước

VASEP dự báo xuất khẩu thủy sản có thể đạt 8,26 - 8,3 tỷ USD năm 2020

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 7 đạt 796,3 triệu USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là dấu hiệu đáng mừng khi xuất khẩu thủy sản tiếp tục phục hồi trong tháng 7 sau khi tăng 0,3% vào hồi tháng 6. Tuy nhiên, tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản trong 7 tháng đầu năm 2020 đạt 4,4 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019.

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường tiềm năng khi xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 7 tăng 20,8% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 184,35 triệu USD. Đồng thời, trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 838,44 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Cũng trong tháng 7, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU có dấu hiệu cải thiện, chỉ giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi các tháng trước đó, con số giảm đều ở mức trên 18%.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Nhật Bản hiện vẫn gặp khó khăn. Bên cạnh đó, xuất khẩu sang Trung Quốc đã có dấu hiệu giảm trở lại.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), đại dịch Covid-19 vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm trên thế giới. Điều này tiếp tục ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường trong quý II/2020.

Trước đó trong tháng 5, xuất khẩu thủy sản đã giảm 16%, đạt 639 triệu USD. Đến tháng 6, con số này lại tiếp tục giảm 10%, ước đạt 626 triệu USD.

Tuy vậy, VASEP dự báo xuất khẩu thủy sản sẽ hồi phục dần vào quý III và quý IV, kim ngạch xuất khẩu cả năm 2020 có thể đạt 8,26 - 8,3 tỷ USD, giảm 3,8% so với năm 2019.

Thanh toán qua mobile banking tăng gần 180% trong 6 tháng đầu năm

Chia sẻ tại Hội thảo "*Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong doanh nghiệp*" do Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp tổ chức chiều 26/8, ông Lê Anh Dũng, Phó Vụ trưởng Vụ Thanh toán Ngân hàng Nhà nước cho biết, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN đang được vận hành hoạt động an toàn, hiệu quả, thông suốt, được tích hợp thêm nhiều cấu phần dịch vụ mới như chuyển ngoại tệ, quyết toán theo lô.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Hệ thống đã xử lý khoảng 69,2 triệu giao dịch, với giá trị xấp xỉ 50 triệu tỷ đồng, tăng 14,9% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2019. Cũng trong 6 tháng đầu năm 2020, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử đã xử lý gần 498 triệu giao dịch đạt giá trị 3,9 triệu tỷ đồng, tăng 72,4% về số lượng và tăng 102,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hệ thống ATM, POS tiếp tục hoạt động ổn định, được các ngân hàng quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tính đến cuối tháng 6/2020, toàn quốc có hơn 19.570 ATM và 266.310 POS, tăng lần lượt 4,4% và 2,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Sông Đà 11 chia cổ tức năm 2019 tổng tỷ lệ 30%

Công ty cổ phần Sông Đà 11 (HNX: SJE) thông báo chốt danh sách cổ đông chia cổ tức tiền mặt và cổ phiếu năm 2019 tổng tỷ lệ 30%. Ngày đăng ký cuối cùng vào 10/9.

Trong đó, công ty sẽ chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng), ngày thanh toán vào 18/12. Với 18,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 18,3 tỷ đồng.

Đối với phương án trả bằng cổ phiếu, công ty sẽ thực hiện theo tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới). Như vậy, khối lượng phát hành thêm là gần 3,7 triệu cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên mức gần 220 tỷ đồng.

Năm ngoái, Sông Đà 11 báo cáo doanh thu tăng 10% lên 678 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 64% lên 71,4 tỷ đồng. Năm 2020, công ty đặt mục tiêu doanh thu 460 tỷ và lợi nhuận 65,8 tỷ đồng, lần lượt giảm 32% và 8% so với năm ngoái.

Theo báo cáo nửa đầu năm, công ty có doanh thu thuần đạt hơn 290 tỷ đồng, tăng hơn 16%. Tuy nhiên chi phí giá vốn và chi phí tài chính lần lượt tăng cao nên lợi nhuận sau thuế đạt 11,5 tỷ đồng, giảm phân nửa nửa so với cùng kỳ năm ngoái và mới hoàn thành được 18% kế hoạch cả năm.

Hải Phát phát hành 34,5 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 15%

HDQT Công ty Đầu tư Hải Phát (HoSE: HPX) thông qua phương án phát hành 34,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tương đương tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu nhận về 15 cổ phiếu mới).

Sau phát hành, vốn điều lệ tăng lên 2.645 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty cũng dự kiến tăng vốn qua việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần nhằm tăng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Đầu tư Hải Phát Thủ Đức.

Năm 2019, Hải Phát ghi nhận doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 3.432 tỷ đồng, tăng 79% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 446,7 tỷ đồng, giảm 9,4%. Theo đó, công ty chỉ hoàn thành 87,4% kế hoạch doanh thu và 63% kế hoạch lợi nhuận.

Lũy kế 6 tháng, doanh thu công ty giảm 45% xuống 637 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 60 tỷ đồng, giảm nhẹ 8% nhờ lãi bán các khoản đầu tư trong quý I.

Năm 2020, Hải Phát đặt mục tiêu doanh thu từ 1.600 - 2.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất từ 350 - 400 tỷ đồng. Sau nửa năm, công ty hoàn thành ít nhất 40% kế hoạch doanh thu và 17% kế hoạch lợi nhuận.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Mua	27/08/20	27.2	27.2	0.0%	28.6	5.1%	26.6	-2.2%	Cổ phiếu có tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	OIL	Quan sát mua	27/08/20	8.1	9.3-9.5	Nén break nền tích lũy cũng như MA50,200 + vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 7.9-8
2	NVL	Quan sát mua	27/08/20	62.8	65.5 67.5-69.5	Nén Hammer quanh MA50 + vol tăng lại 2 phiên gần đây + MACD Histogram đang giảm dần qua các phiên -> cần một phiên tăng tốt trở lại trên 63.3 để phát tín hiệu kết thúc điều chỉnh
3	FPT	Quan sát mua	27/08/20	48.4	51 58	Phiên điều chỉnh tích cực với áp lực bán yếu sau tín hiệu break đường neckline mẫu hình Hai đáy -> có thể cân nhắc tham gia khi giá tiếp tục điều chỉnh về vùng 47.5-47.7
4	VJC	Quan sát mua	27/08/20	100.6	108	Tín hiệu tích cực khi đang tích lũy với vol tăng tốt gần đây + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout
5	PET	Quan sát mua	27/08/20	8.34	9.5-9.6	Tín hiệu bật tăng tốt từ MA50 với phiên tăng tốt kèm vol tăng trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 8.2-8.25

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VHC	Nắm giữ	05/08/20	38.9	35.55	9.4%	40.7	14.5%	34	-4%	
2	BFC	Nắm giữ	07/08/20	15.75	12.2	29.1%	16.4	34.4%	11.8	-3%	
3	HPG	Mua	10/08/20	24.2	24.2	0.0%	26.6	10%	23.2	-4%	
4	PAC	Mua	13/08/20	22.9	23.6	-3.0%	25.9	10%	22.3	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	SAB	Mua	14/08/20	184.2	183	0.7%	206	13%	177	-3%	
6	FMC	Mua	18/08/20	28.3	27.7	2.2%	32.3	17%	26.7	-4%	
7	PVT	Mua	18/08/20	11.2	10.8	3.7%	12	11%	10.4	-4%	
8	DGC	Nắm giữ	20/08/20	39.5	33.45	18.1%	43.5	30%	31.8	-5%	
9	VCB	Mua	21/08/20	83.5	83	0.6%	90	8%	81.7	-2%	
10	DMC	Mua	24/08/20	53.5	52.3	2.3%	58	11%	50.3	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 26/08/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,480	-6.3 %	-4%	5,711	112	80,400	478	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	9,910	-4.3 %	36%	1,855	75	48,400	631	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,610	-5.3 %	7%	8,766	64	48,400	1,003	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,520	0 %	-10%	20,227	58	48,400	1,023	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,330	-5.0 %	-11%	11,876	141	48,400	3,232	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	600	-14.3 %	-44%	1,600	40	28,250	276	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,230	-2.6 %	2%	22,831	43	28,250	1,819	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	10,870	-2.1 %	418%	3,304	36	24,200	5,257	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,820	-6.6 %	155%	871	21	24,200	1,109	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,700	-9.1 %	-10%	7,566	96	24,200	65	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,770	-4.6 %	136%	21,683	64	24,200	942	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,580	-8.1 %	-9%	2,327	145	24,200	608	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,760	-6.8 %	-2%	3,186	97	24,200	1,088	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,900	-4.4 %	-4%	2,210	236	24,200	1,460	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,220	-5.5 %	-7%	3,722	187	24,200	989	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,480	-5.3 %	13%	1,300	141	24,200	5,824	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,480	-7.5 %	-26%	3,917	75	17,900	455	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	510	-1.9 %	-75%	495	61	17,900	7	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,140	-7.3 %	4%	9,984	64	17,900	754	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,370	-6.8 %	-2%	3,199	141	17,900	6,313	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	550	-8.3 %	-76%	21,796	112	53,500	8	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2002	2,000	100	-9.1 %	-95%	34,959	21	53,500	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2004	1,980	180	-14.3 %	-91%	9,604	9	53,500	0	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	490	-5.8 %	-77%	25,281	64	53,500	5	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,250	-2.3 %	-34%	723	141	53,500	8,339	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,220	-3.5 %	-11%	235	36	87,300	53	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	220	15.8 %	-89%	2,842	61	87,300	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	8,720	3.2 %	-32%	2,133	96	87,300	3,736	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	880	0 %	-32%	3,210	62	87,300	370	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,250	1.6 %	-22%	31,697	58	87,300	745	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,450	13.3 %	4%	1,962	141	87,300	7,555	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	112	62,800	127	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,590	0 %	30%	87	196	62,800	957	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	740	-3.9 %	-69%	3,570	36	59,000	0	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	200	0 %	-90%	500	61	59,000	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	500	-7.4 %	-50%	25,205	64	59,000	105	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	840	-5.6 %	-16%	1,578	141	59,000	5,326	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,480	-1.3 %	48%	2,144	64	36,450	1,322	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,630	0 %	68%	13,756	58	36,450	2,364	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,700	-4.5 %	31%	17	141	36,450	8,575	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	210	0 %	-79%	2,808	112	2,240	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	-	0 %	-100%	-	112	14,700	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,160	-4.9 %	-32%	33,940	112	11,200	10,982	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	620	-7.5 %	-54%	23,333	21	11,200	6,243	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,190	-4.8 %	-15%	15,843	96	11,200	572	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	520	-3.7 %	-52%	3,640	69	11,200	54	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	900	-4.3 %	-40%	40	222	11,200	232	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	370	2.8 %	-82%	3,823	61	21,100	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,680	-6.2 %	-44%	727	96	21,100	432	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCB2006	1,200	1,860	-4.1 %	55%	5,366	64	21,100	1,598	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,670	-1.8 %	-2%	4,101	141	21,100	10,100	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,270	12.4 %	-59%	11	112	79,500	41	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	8,980	-2.5 %	-22%	6,878	96	79,500	4,573	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,280	-3.8 %	28%	20,789	64	79,500	989	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	450	-4.3 %	-70%	66	40	79,500	1	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,160	-1.7 %	-17%	2,217	141	79,500	7,709	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	280	-3.5 %	-88%	101	112	100,600	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	390	0 %	-79%	5,254	64	100,600	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	150	0 %	-91%	6,841	40	100,600	0	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2003	1,450	2,350	-4.1 %	62%	2,146	9	117,100	2,317	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020
CVNM2004	17,500	11,420	-2.1 %	-35%	3,620	96	117,100	3,527	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	1,940	-2.5 %	29%	11,025	64	117,100	1,465	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	310	-22.5 %	-80%	18,296	40	117,100	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,290	0.8 %	-46%	4,159	196	117,100	161	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	1,630	0.6 %	-9%	7,194	141	117,100	11,473	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,750	-3.3 %	-49%	1,642	96	22,900	547	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,090	-4.4 %	-36%	40,053	64	22,900	448	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,930	6.6 %	7%	20,667	141	22,900	11,295	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	390	-2.5 %	-87%	20,556	112	27,200	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,210	-1.3 %	-45%	4,249	96	27,200	817	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,310	4.8 %	19%	5,591	64	27,200	1,081	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	610	0 %	-60%	17,246	222	27,200	163	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,110	2.8 %	-8%	1,835	141	27,200	6,738	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
MSN (New)	HOSE	53,500	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG (New)	HOSE	24,200	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG (New)	HOSE	105,400	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	105,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
VPB	HOSE	22,900	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	57,000	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	30,750	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	59,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	42,300	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
STK	HOSE	15,100	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
DGW	HOSE	49,150	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
SBT	HOSE	14,700	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
TCM	HOSE	22,500	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-
VGI	UPCOM	27,300	28,300	10/07/2020	499	387	9,298	2%	1%	73.2	3.1	0%
SAB	HOSE	184,200	157,000	04/07/2020	4,799	7,094	32,249	23%	19%	22.1	4.9	35%
VJC	HOSE	100,600	84,630	01/07/2020	83	153	33,994	0%	0%	553.1	2.5	0%
ANV	HOSE	17,200	19,728	25/06/2020	315	2,474	21,175	12%	8%	8.0	0.9	10%
PVD	HOSE	11,400	10,500	23/06/2020	68	163	33,029	0%	0%	64.4	0.3	0%
MPC	UPCOM	27,300	32,600	12/06/2020	482	2,449	26,670	9%	5%	12.3	1.1	50%
PLX	HOSE	51,400	50,160	09/06/2020	2,166	1,674	18,941	9%	4%	30.0	2.7	20%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 7991

Web: www.phfm.vn